

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2665/QĐ-UBND ngày 30/08/2023 của UBND huyện An Phú về việc thành lập tổ kiểm tra cấp Giấy phép môi trường của Hộ kinh doanh Phú Vinh;

Xét đề nghị của ông Hồ Phú Vinh tại Công văn số 01/CV-PV ngày 03 tháng 8 năm 2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Hộ kinh doanh Phú Vinh và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 141/PTNMT-MT ngày 11 tháng 9 năm 2023 về việc cấp giấy phép môi trường của Hộ kinh doanh Phú Vinh.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Hộ kinh doanh Phú Vinh, địa chỉ tại khóm Phước Thọ, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án, với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Hộ kinh doanh Phú Vinh.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khóm Phước Thọ, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 52C8001492 đăng ký lần đầu ngày 05/01/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 30 tháng 9 năm 2020 do phòng Tài chính - Kế hoạch huyện An Phú cấp.

1.4. Mã số thuế: 1600325587.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất khô bò, lạp xưởng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Cơ sở tổng diện tích 226,3m<sup>2</sup>, tứ cận như sau:

+ Phía Đông Bắc: Giáp với nhà dân;

+ Phía Tây Bắc: Giáp với nương tưới tiêu nội đồng;

+ Phía Đông Nam: Giáp với đất trống;

+ Phía Tây Nam: Giáp với đất trống.

- Quy mô của dự án đầu tư: Tổng mức đầu tư 100.000.000 đồng, thuộc dự án nhóm C – Cơ sở công nghiệp với tổng vốn đầu tư dưới 60 tỷ đồng thuộc quy định tại khoản 4 Điều 10 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14.

- Công suất: Khô bò: 220kg sản phẩm/tháng; lạp xưởng 140kg sản phẩm/tháng.

- Tổng diện tích sử dụng đất nhà xưởng là 226,3m<sup>2</sup>, phân chia thành các khu chức năng như sau:

<b>T</b>	<b>Hạng mục công trình</b>	<b>Kích thước</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Kết cấu</b>
<b>I</b>	<b>Hạng mục công trình chính: 76,24 m<sup>2</sup></b>			
1	Khu vực giao dịch	2,3m x 3m	6,9	Nền bê tông cốt thép (BTCT) lót gạch ceramic, tường gạch, trần BTCT, mái BTCT + tấm pin năng lượng mặt trời.
2	Khu xử lý thịt	1,2mx5m	6	Nền BTCT lót gạch ceramic, tường gạch, trần BTCT, mái BTCT + tấm pin năng lượng mặt trời.
3	Khu xay thịt	1,2mx3m	3,6	Nền BTCT lót gạch ceramic, tường gạch, trần BTCT, mái BTCT + tấm pin năng lượng mặt trời.
4	Khu luộc thịt	2mx4,8m	9,6	Nền BTCT lót gạch ceramic, tường gạch, trần BTCT, mái BTCT + tấm pin năng lượng mặt trời.
5	Khu vực ướp thịt và vô khuôn	2,4mx4,8m	11,52	Nền BTCT lót gạch ceramic, tường gạch, trần BTCT, mái BTCT + tấm

				pin năng lượng mặt trời.
6	Khu vực đóng khối	4mx5m	17	Nền BTCT lót gạch ceramic, tường gạch, trần BTCT, mái BTCT + tấm pin năng lượng mặt trời.
7	Khu vực lò sấy 1, lò sấy 2, lò sấy 3, lò sấy 4	9,4mx2,3m	21,62	Nền BTCT lót gạch ceramic, tường gạch, trần BTCT, mái BTCT + tấm pin năng lượng mặt trời.
<b>II Hạng mục công trình phụ trợ: 129,98 m<sup>2</sup></b>				
1	Đường đi nội bộ	-	113,86	Nền BTCT lót gạch ceramic.
2	Phòng nghỉ	4mx4,8m	16,12	Nền BTCT lót gạch ceramic, tường gạch, trần BTCT, mái BTCT + tấm pin năng lượng mặt trời.
<b>III Hạng mục công trình BVMT: 20,08 m<sup>2</sup></b>				
1	Khu xử lý nước thải	3,5mx4m	14	Bê tông cốt thép.
2	Nhà vệ sinh 1	1,2mx2,5m	3	Nền BTCT lót gạch ceramic, tường gạch, trần BTCT, mái BTCT
3	Nhà vệ sinh 2	1,6mx2,45 m	3,08	Nền BTCT lót gạch ceramic, tường gạch, trần BTCT, mái BTCT
<b>TỔNG</b>			<b>226,3</b>	-

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn của tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

**1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.**

**2. Hộ kinh doanh Phú Vinh có trách nhiệm:**

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu khí thải, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường (UBND huyện An Phú), cơ quan chức năng ở địa phương, nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 11 tháng 9 năm 2023 đến ngày 11 tháng 9 năm 2033).

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Ông Hồ Phú Vinh;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Công TT điện tử huyện An Phú;
- Phòng TN và MT;
- UBND thị trấn Đa Phước;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Phương**

## Phụ lục 1

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 193/GPMT-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện An Phú)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

##### **1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất.

##### **2. Dòng xả nước thải: 01 dòng nước thải.**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương tưới tiêu.

2.2. Vị trí xả nước thải: Khóm Phước Thọ, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ VN 2000): X= 0540559; Y=1184838.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 0,49 m<sup>3</sup>/ngày đêm; 0,049 m<sup>3</sup>/giờ (10 giờ/ngày).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy sau khi xử lý.

2.3.2. Chế độ xả thải: Liên tục, 24 giờ.

2.3.2. Chất lượng nước thải: Nước thải trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận đảm bảo đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt, QCVN 14:2008/BTNMT, cột B. Cụ thể các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn như bảng dưới đây:

#### **Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải**

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B)
1	pH	-	5- 9
2	TSS	mg/l	100
3	Tổng chất rắn h.a tan	mg/l	1000
4	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,0
5	Nitrat (NO <sup>3-</sup> )(tính theo N)	mg/l	50
6	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
7	BOD <sub>5</sub>	mg/l	50
8	Amoni (N)	mg/l	10

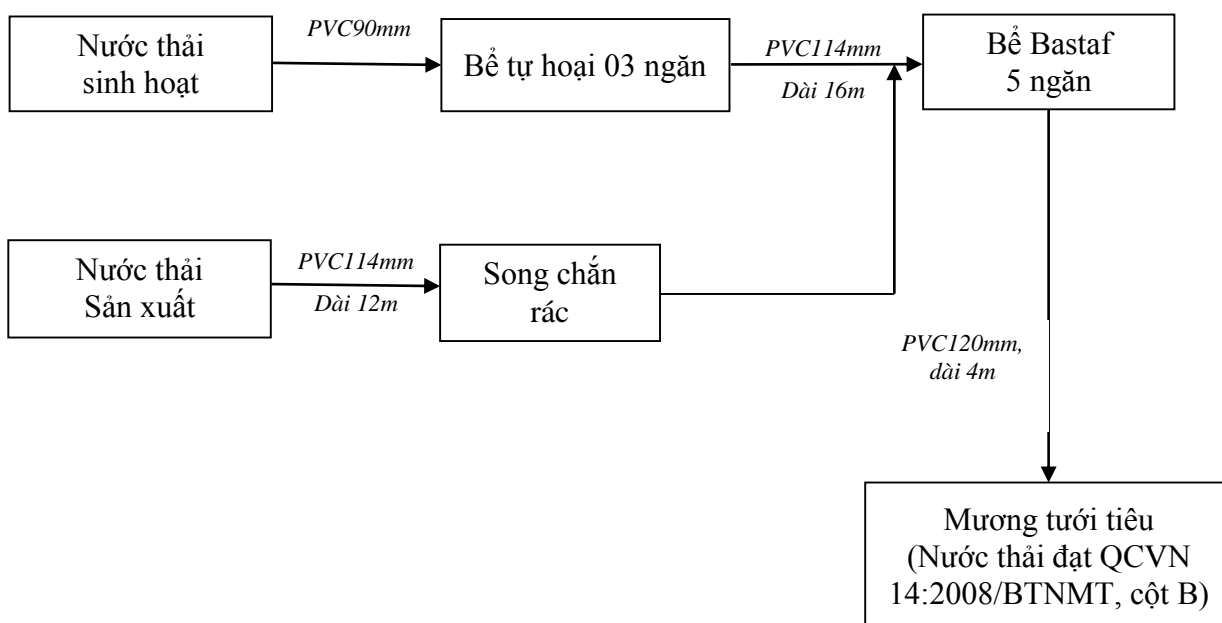
Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B)
9	Phosphat ( $PO_4^{3-}$ ) (tính theo P)	mg/l	10
10	Dầu, mỡ ĐTV	mg/l	20
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

\* Sơ đồ thu gom nước thải sinh hoạt được trình bày cụ thể như sau:



### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

#### a) Công trình xử lý tại chỗ

❖ Hàm tự hoại 3 ngăn nhà vệ sinh số 1:

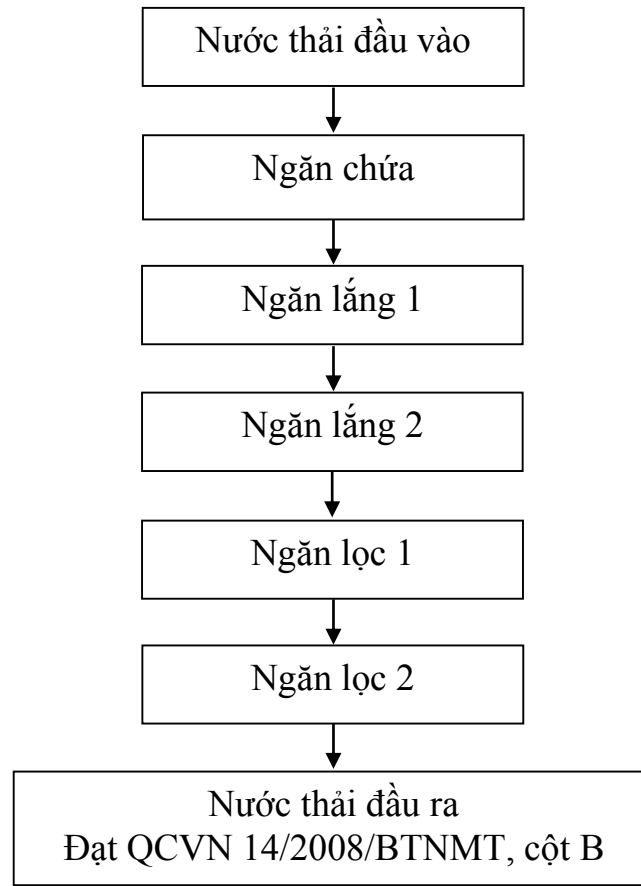
- Diện tích ( $1,2 \times 2,5 \text{ m}^2$ ):  $3,0 \text{ m}^2$ ; Thể tích:  $4,5 \text{ m}^3$ .
- Kết cấu: Bê tông cốt thép, Mac200.

❖ Hàm tự hoại 3 ngăn nhà vệ sinh số 2:

- Diện tích ( $1,4 \times 2,2 \text{ m}^2$ ):  $3,0 \text{ m}^2$ ; Thể tích:  $4,5 \text{ m}^3$ .
- Kết cấu: Bê tông cốt thép, Mac200.

#### b) Công trình xử lý nước thải tập trung

❖ Sơ đồ quy trình công nghệ



***Thuyết minh công nghệ xử lý nước thải:***

- Ngăn chứa: Nước thải từ hầm tự hoại số 1, số 2 và nước thải sản xuất được thu gom đưa vào bể lớn nhất (bể chứa) của bể Bastaf để lưu chứa ổn định nước thải và nồng độ các chất ô nhiễm. Tại đây, nước thải được lưu chứa đủ thể tích sẽ chảy tràn qua ngăn lắng 1 và lắng 2.

- Ngăn lắng 1, 2: Nước thải được lắng tại ngăn lắng 1 qua các vách ngăn hướng dòng giúp cho việc tạo dòng chảy, điều hòa dung lượng và nồng độ chất thải, lên men kỵ khí. Ở các ngăn tiếp theo (ngăn lắng 2) nước thải được chuyển động theo chiều từ dưới lên trên sẽ tiếp xúc với các sinh vật kỵ khí ở lớp bùn dưới đáy bể ở điều kiện động. Các chất hữu cơ được các sinh vật kỵ khí hấp thụ và chuyển hóa giúp chúng phát triển bên trong của từng khoang bể chứa. Điều này sẽ giúp bóc tách riêng 2 pha là lên men axit và lên men kiềm nhờ phản ứng kỵ khí. Các chất hữu cơ và chất dinh dưỡng được phân hủy thành lớp bùn dưới tác dụng của vi sinh vật và lắng xuống đáy ngăn chứa, nước sạch tiếp tục di chuyển qua công đoạn xử lý tiếp theo để hoàn thiện quá trình xử lý.

- Ngăn lọc 1, 2: Tại các ngăn lọc của bể thì các vi sinh vật kỵ khí sống nhờ dính bám vào bề mặt các hạt vật liệu học sẽ ngăn chặn lơ lửng có kích thước nhỏ, nước sau ngăn lọc (nước sạch) theo ống nhựa PVC Ø120 thoát ra môi trường.

❖ **Thông số kỹ thuật của bể bastaf:**

✓ **Ngăn chứa**

- Số lượng: 01 bể.
- Kích thước (D x R x C): 3,5m x 1,5m x 1,5m. Thể tích 7,8m<sup>3</sup>.
- Kết cấu: Bê tông cốt thép M220.

✓ **Ngăn lắng 1**

- Số lượng: 01 bể.
- Kích thước (D x R x C): 2,0m x 2,0m x 1,5m. Thể tích 6,0m<sup>3</sup>.
- Kết cấu: Bê tông cốt thép M220.

✓ **Ngăn lắng 2**

- Số lượng: 01 bể.
- Kích thước (D x R x C): 2,0m x 2,0m x 1,5m. Thể tích 6,0m<sup>3</sup>.
- Kết cấu: Bê tông cốt thép M220.

✓ **Ngăn lọc 1**

- Số lượng: 01 bể.
- Kích thước (D x R x C): 2,0m x 1,0m x 1,5m. Thể tích 3,0m<sup>3</sup>.
- Kết cấu: Bê tông cốt thép M220.
- Vật liệu lọc: Than củi.

✓ **Ngăn lọc 2**

- Số lượng: 01 bể.
- Kích thước (D x R x C): 2,0m x 1,0m x 1,5m. Thể tích 3,0m<sup>3</sup>.
- Vật liệu: Bê tông cốt thép M220.
- Vật liệu lọc: Than đá.

❖ **Hóa chất sử dụng và điện năng tiêu thụ:**

- Điện năng tiêu thụ: Không sử dụng điện cho công trình xử lý.



- Sử dụng hóa chất Cloramin B xử lý nước, 0,5 kg/tháng.

**❖ Quy chuẩn áp dụng:**

Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn Việt Nam hiện hành, QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Không.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Do hoạt động của cơ sở không xả thải ra môi trường nên không tiến hành vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Thu gom, xử lý nước thải từ hoạt động của cơ sở đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) trước khi thải ra môi trường./.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 193/GPMT-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện An Phú)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:** Mùi hôi từ khu vực sản xuất.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:** 01 dòng khí thải phát thải ra môi trường xung quanh.

2.1. Vị trí xả khí thải: Khóm Phước Thọ, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Tọa độ X: 0540568; Y: 1184832 (theo hệ VN 2000).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Mùi hôi phát thải trong khu vực sản xuất phát sinh vào môi trường không khí (không xác định được lưu lượng thải).

2.2.1. Phương thức xả nước thải: Liên tục 12 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với mùi hôi theo QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí như sau:

**Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong khí thải**

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	NH <sub>3</sub>	µg/m <sup>3</sup>	200
2	H <sub>2</sub> S	µg/m <sup>3</sup>	42

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải (mùi hôi)**

Cơ sở đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi hôi trong suốt quá trình hoạt động, đảm bảo chất lượng môi trường không khí xung quanh đạt quy chuẩn Việt Nam hiện hành QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, cụ thể như sau:

- Thu gom, xử lý nước thải đúng quy định và đạt quy chuẩn hiện hành.
- Thu gom, xử lý CTRSH hàng ngày (thuê xử lý).
- Thu gom CTR sản xuất lưu chứa an toàn và đúng quy định.

- Khu vực chứa rác được vệ sinh sạch sẽ sau khi chuyển rác cho đơn vị thu gom rác.

- Sử dụng Cloramin B vệ sinh, khử mùi khu vực sản xuất và khu vực tập kết rác thải, định kỳ 1 lần/tuần.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Do hoạt động của cơ sở không có nguồn thải tập trung ra môi trường nên không tiến hành vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Thu gom, xử lý khí thải (mùi hôi) từ hoạt động của cơ sở đảm bảo toàn bộ khí thải phát sinh được xử lý đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí./.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC**  
**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 193/GPMT-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện An Phú)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Tiếng ồn phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào cơ sở.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Khu vực lên xuống hàng hóa.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung như sau:

**Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung đề nghị cấp phép**

Stt	Thông số	Đơn vị	Giới hạn xin cấp phép		
1	Tiếng ồn	dBA	Khu vực thông thường	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70
2	Độ rung	dB	Khu vực thông thường	Từ 6 giờ đến 21 giờ	75

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Yêu cầu các thành viên trong gia đình và công nhân giảm tốc độ cho phương tiện giao thông khi ra vào dự án. Hạn chế sử dụng còi xe và quy định tốc độ xe lưu thông trong khu vực ( $\leq 20$  km).

- Nghiêm cấm nhân viên tụ họp gây tranh cãi ồn ào ảnh hưởng đến an ninh của khu vực.

- Thực hiện thời gian hoạt động hợp lý: Sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ trưa, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ. Không hoạt động vào các giờ cao điểm từ 11 giờ - 13 giờ và 18 giờ chiều đến 6 giờ sáng hôm sau.

- Nhắc nhở các thành viên trong gia đình và công nhân đảm bảo an ninh, trật tự trong quá trình làm việc tại dự án.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

## **Phụ lục 4**

# **YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 193/GPMT-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện An Phú)*

## **A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

### **1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Khối lượng phát sinh khoảng 5,5 kg/năm. Thành phần: Giẻ lau dính dầu mỡ, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại, Bao bì mềm thải.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phát sinh thường xuyên: Khối lượng phát sinh khoảng 1,0 kg/ngày. Thành phần: Xô nhựa, rổ nhựa lâu ngày hư hỏng, Bao bì, dây buộc.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khối lượng phát sinh khoảng 2,45 kg/ngày. Bao gồm: Giấy vụn, bao nilon, thức ăn dư thừa,...

### **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 02 thùng chứa chất thải 50 lít để thu gom.

2.1.2. Khu vực lưu chứa: Khu chứa chất thải nguy hại 1m<sup>2</sup>, có dán biển cảnh báo, gờ chắn chống tràn, chống thấm, đảm bảo không bị mưa tạt, gió lùa.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: 01 thùng nhựa loại 20 lít.

2.2.2. Khu vực lưu chứa: Khu vực sản xuất.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Khu vực giao dịch: Số lượng 01 thùng, thể tích 20 lít.

- Khu vực sản xuất: Số lượng 2 thùng, loại 20 lít.

- Khu vực tập kết rác: 1 thùng, loại 240 lít, thùng nhựa màu cam.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Cuối ngày vận chuyển ra vệ đường cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý đúng quy định.

### **3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải**

Không.

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Thực hiện đúng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở, đảm bảo tuân thủ đúng quy định kỹ thuật về an toàn và môi trường.

Đảm bảo nguồn nhận lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường.

Bổ trí đội cứu hộ ứng trực thường xuyên và nhắc nhở, giám sát công nhân phòng ngừa tai nạn có thể xảy ra./.